

PHỤ LỤC 02 QUY TRÌNH THỰC HIỆN, DANH MỤC HỔ SƠ VÀ MẪU BIỀU

(Đính kèm Quyết định số 322/2022/QĐ-KHDN ngày 27/10/2022)

I. Quy trình thực hiện:

- Thực hiện theo Quy trình cấp tín dụng khung do BVB ban hành từng thời kỷ¹.

II. Danh mục hồ sơ:

STT	CHỨNG TỪ	LOẠI CHỨNG TỪ	Ghi chú
A	TIẾP XÚC KHÁCH HÀNG		
1	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án cấp tín dụng và bảng phỏng vấn khách hàng	Bản chính	20
В	THẨM ĐỊNH TRƯỚC PHÊ DUYỆT	A	10.
1	Hồ sơ pháp lý	_ ()_c	* * *
1.1	Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư	Bản sao DN	7
1.2	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có điều kiện	Bản sao DN	Nếu thuộc lĩnh vực kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật
1.3	Danh sách cổ đông/thành viên sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	Bån sao DN	Áp dụng đối với công ty cổ phần
1.4	Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/CCCD của Người đại diện pháp luật/ TVGV chính	Bån sao DN	
2	Hồ sơ tài chính		
2.1	Bảng cân đối kế toán	Bản chính	
2.2	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Bản chính	
2.3	03 hợp đồng/đơn đặt hàng/ hóa đơn của 03 đối tác đầu vào lớn; 03 hợp đồng / đơn đặt hàng/ hóa đơn/ của 03 đối tác đầu ra lớn đã/đang thực hiện trong lĩnh vực đề xuất cấp tín dụng trong 12 tháng gần nhất (Trường hợp thực tế phát sinh ít hơn, chỉ yêu cầu cung cấp đúng với thực tế)	Bản sao DN	
2.4	Tờ khai thuế VAT 06 tháng gần nhất	Bån sao DN	
3	Hồ sơ cấp tín dụng		
3.1	Hợp đồng kinh tế/nguyên tắc/hợp đồng thi công xây lắp/hợp đồng đại lý/ đã ký kết, biên bản giao nhiệm vụ của Đơn vị chủ quản,	Bản sao DN	Áp dụng cho từng lần
3.2	CIC của Khách hàng , Người ĐDPL, Thành viên góp vốn chính: Dư nợ, Thẻ, TSBĐ.	Bản in từ hệ thống CIC	
4	Hồ sơ tài sản bảo đảm: Theo quy định Bộ mẫu biểu ban hành từng thời kỳ ² .	đính kèm Quy trình cấp	tín dụng khung BVB

¹ Hiện theo Quyết định số 263/2018/QĐ-QLRR và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)

² Hiện theo Quyết định số 264/2018/QĐ-QLRR và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)



STT	CHỨNG TỪ	LOẠI CHỨNG TỪ	Ghi chú
5	Hồ sơ bổ sung khi chuyển lên CPD tại HO		
5.1	Tờ khai thuế VAT tương ứng với kỳ BCTC trong	Bản sao DN	
	năm gần nhất và đến thời điểm đánh giá gần nhất		
5.2	Bảng chi tiết tổng hợp phát sinh:	Bản sao DN	Kỳ sao kê chi tiết các
	- Phải thu theo khách hàng		khoản mục phải tương
	- Phải trả theo nhà cung cấp		ứng với BCTC năm
	- Hàng tồn kho		gần nhất và thời điểm
	- Bảng cân đối phát sinh tài khoản		đánh giá gần nhất.
5.3	Sao kê tài khoản khách hàng và người điều hành	Bản chính	0
3.3	(nếu có) tại BVB và các TCTD (nếu có) trong năm	Buil Cillini	Ci.V
	gần nhất và đến thời điểm đánh giá gần nhất chứng		VO.
	minh dòng tiền thanh toán của đối tác qua TKTT.		Š • *
5.4	Chứng minh thư/Hộ chiếu/CCCD Chủ TSBĐ.	Bản sao DN	
		0,0	
5.5	Giấy tờ pháp lý chứng minh mối quan hệ của chủ	Bản sao DN	
	TSBĐ với KH vay vốn.		
5.6	Hồ sơ khác theo yêu cầu CPD.	Bản sao DN/ Bản	
		chính	
C	SAU PHÊ DUYỆT		
1	Hồ sơ pháp lý		
1.1	Điều lệ doanh nghiệp	Bản sao DN	
1.2	Quyết định của HĐQT/HĐTV v/v bổ nhiệm Người	Bản sao DN	Ngoại trừ trường hợp
	Đại diện pháp luật.		GCN ĐKKD/ Điều lệ/
			Biên bản họp đã thể
	20.00		hiện nội dung này
1.3	Văn bản Phê duyệt của	Bản chính	Mẫu Biên bản họp
	HĐQT/HĐTV/ĐHĐCĐ/Chủ sở hữu/Đại hội xã		tham khảo đính kèm.
	viên, Ban quản trị hoặc cấp chủ quản của tổ chức về		
	việc vay vốn, dùng tài sản bảo đảm, nhận bảo lãnh		
	từ bên thứ 3 theo quy định về thẩm quyền trong		
	Điều lệ của tổ chức và theo quy định pháp luật		
1.4	Văn bản ủy quyền giao dịch với ngân hàng (nếu có)	Bản chính	
	của người đại diện theo pháp luật cho cá nhân khác		
1.5	trong doanh nghiệp	D' DY	
1.5	Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/ CCCD của người	Bản sao DN	
0	được ủy quyền ký kết hợp đồng (nếu có ủy quyền)	D' DN	
1.6	Giấy tờ pháp lý chứng minh mối quan hệ của chủ	Bån sao DN	
D	TSBĐ với KH vay vốn.		
D	HỒ SƠ GIẢI NGÂN	3 1.: 3	2 42111./ 1.12
	Thực hiện theo Quy định tạm thời v/v Cấp tín dụng		ep dann cho khách háng
	SME do BVB ban hành từng thời kỳ của BVB ban hà	ını tung thoi ky ² .	

Ghi chú:

³ Hiện theo Quyết định số 15/2022/QĐ-KHDN và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)



- Cung cấp số liệu BCTC bao gồm Bảng cân đối kế toán, Kết quả hoạt động kinh doanh:
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: n > 2 năm: 02 năm tài chính gần nhất và **Quý gần nhất (Thời điểm BCTC** quý gần nhất cách thời điểm đề nghị cấp tín dụng không quá 4 tháng)
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: 1 năm < n < 2 năm:01 năm tài chính gần nhất và $\mathbf{Quý}$ gần nhất (Thời điểm BCTC quý gần nhất cách thời điểm đề nghị cấp tín dụng không quá 4 tháng)
 - + Trường hợp thời gian thành lập n: n <1 năm: Quý gần nhất (Thời điểm BCTC quý gần nhất cách thời điểm đề nghị cấp tín dụng không quá 4 tháng)
- Bản chính: là những giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp/xác nhận và có đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền; những giấy tờ, văn bản do cá nhân/tổ chức tự lập và có ký xác nhận của cá nhân/ký xác nhận và đóng dấu (nếu có) của tổ chức.
- Bản sao y: là bản sao y của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực đúng với bản chính.
- Bản sao DN: là bản sao được DN đóng dấu treo/sao y.
- Mức độ ưu tiên trên danh mục giảm dần từ Bản chính Bản sao y Bản sao DN và có thể thay thế theo cho nhau theo thứ tự từ ưu tiên cao hơn. Vd: Bản sao DN có thể thay thế bằng bản sao y.

III. Mẫu biểu

1. Mẫu biểu sản phẩm:

TT	Tên mẫu biểu	Ký hiệu/ Ghi chú
1	Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án cấp tín dụng và bảng phỏng vấn	BM01.MSME.22
	khách hàng	
2	Biên bản kiểm tra sau cấp tín dụng	BM02.MSME.22
3	Văn bản Phê duyệt của HĐQT/HĐTV/ĐHĐCĐ/Chủ sở hữu/Đại hội xã	Mẫu tham khảo
	viên, Ban quản trị hoặc cấp chủ quản của tổ chức về việc vay vốn, dùng tài	
	sản bảo đảm, nhận bảo lãnh từ bên thứ 3	

2. Mẫu biểu khác: theo Quy định tạm thời v/v Cấp tín dụng, mẫu biểu và tác nghiệp dành cho khách hàng SME, Quy định phát hành bảo lãnh, L/C, Chiết khấu, Quy định quản lý TSBĐ do BVB ban hành từng thời kỳ.